



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**  
**Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018**

## MỤC LỤC

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 42





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Trụ sở của Công ty:** 246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3.658.278

Fax: 0274.3.625.379

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/03/NQHĐQT ngày 09/03/2017, Công ty đã tiến hành thành lập Chi nhánh Bình Phước tại ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chi nhánh Bình Phước – Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 3700762464-002 đăng ký lần đầu ngày 13/03/2017 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

### **Hoạt động chính của Công ty:**

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Sản xuất đá xây dựng tại chi nhánh Bình Phước.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Sau ngày kết thúc năm tài chính 2018 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và cho đến ngày ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	23/04/2016
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP Cây Chàm, P Thanh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

### Ban kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	23/04/2016
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016

### Ban giám đốc

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Giám đốc	05/12/2014
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Phó Giám đốc	05/12/2014

### Kế toán trưởng

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam	01/12/2006

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Đồng thời chịu trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2019



ĐỖ THÀNH LỘC

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018.

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2019



MAI VĂN CHÁNH



Số: 270 /BCKT/TC/2019/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Kính gửi : CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/3/2019, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**  
**Phó Tổng Giám Đốc**



**Lưu Vinh Khoa**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

**Chu Thế Bình**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.008.207.026</b>	<b>32.545.720.016</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>2.906.219.491</b>	<b>1.887.845.958</b>
1. Tiền	111	6.1	2.906.219.491	1.887.845.958
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.136.207.397</b>	<b>8.866.271.025</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.2	3.583.957.397	8.786.521.025
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		52.250.000	79.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.3.1	500.000.000	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.281.504.988</b>	<b>19.562.361.508</b>
1. Hàng tồn kho	141	6.4	12.281.504.988	19.562.361.508
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.684.275.150</b>	<b>2.229.241.525</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.5.1	1.072.540.311	712.343.922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	841.622.904
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.10	611.734.839	675.274.699
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62.183.285.974</b>	<b>63.856.667.073</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>522.829.127</b>	<b>312.603.127</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.3.2	522.829.127	312.603.127
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.163.778.334</b>	<b>5.740.987.451</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	5.163.778.334	5.740.987.451
- Nguyên giá	222		22.555.386.891	21.470.936.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.391.608.557)	(15.729.949.393)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.496.678.513</b>	<b>57.803.076.495</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.5.2	55.965.099.231	57.235.904.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	531.579.282	567.171.826
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>83.191.493.000</b>	<b>96.402.387.089</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.405.506.719</b>	<b>27.255.857.025</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.840.893.498</b>	<b>26.750.157.834</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.8	2.962.872.380	10.867.786.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.9	239.174.288	1.504.334.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.10	2.680.485.824	2.969.130.587
4. Phải trả người lao động	314		422.738.000	229.870.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.11	39.288.199	1.384.888.575
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.12	1.036.443.772	1.010.848.286
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.13	5.000.000.000	7.949.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		459.891.035	834.299.037
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>564.613.221</b>	<b>505.699.191</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.14	564.613.221	505.699.191
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69.785.986.281</b>	<b>69.146.530.064</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.15</b>	<b>69.785.986.281</b>	<b>69.146.530.064</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.161.240.000	50.161.240.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(730.457.045)	(730.457.045)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.765.633.388	15.476.957.199
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.589.569.938	4.238.789.910
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		473.202.939	473.202.939
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		4.116.366.999	3.765.586.971
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>83.191.493.000</b>	<b>96.402.387.089</b>

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	88.811.414.218	55.139.419.032
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>7.1</b>	<b>88.811.414.218</b>	<b>55.139.419.032</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	75.138.834.058	41.543.865.607
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>13.672.580.160</b>	<b>13.595.553.425</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	2.035.292	156.305.995
7. Chi phí tài chính	22	7.4	16.286.400	52.364.072
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.286.400	52.359.781
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	2.717.140.286	1.094.247.546
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	4.676.862.930	4.051.491.928
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>6.264.325.836</b>	<b>8.553.755.874</b>
11. Thu nhập khác	31	7.7	25.471.425	515.036.354
12. Chi phí khác	32	7.8	139.251.133	61.045.958
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(113.779.708)</b>	<b>453.990.396</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.150.546.128</b>	<b>9.007.746.270</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.10	1.214.516.681	1.836.875.791
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.11	35.592.544	(23.456.296)
<b>17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.900.436.903</b>	<b>7.194.326.775</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.12	826	1.212
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.13	826	1.212

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019

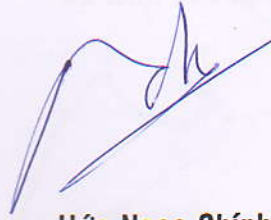
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

( Phương pháp trực tiếp )

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		57.278.129.505	56.293.403.899
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02		(30.364.492.880)	(27.356.170.018)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.106.484.000)	(10.582.186.000)
4- Tiền lãi vay đã trả	04		(736.135.713)	(52.359.781)
5- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.338.379.604)	(2.286.119.465)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.635.000	250.978.759
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(7.198.097.459)	(9.401.965.598)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.546.174.849</b>	<b>6.865.581.796</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.090.549.808)	(28.308.855.135)
2- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
3- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.027.919	301.394.884
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.088.521.889)</b>	<b>(22.007.460.251)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền thu từ đi vay	33		-	11.950.000.000
2- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.949.000.000)	(4.001.000.000)
3- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.490.286.800)	(3.490.286.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.439.286.800)</b>	<b>4.458.713.200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.018.366.160</b>	<b>(10.683.165.255)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.1</b>	<b>1.887.845.958</b>	<b>12.571.015.504</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>7.373</b>	<b>(4.291)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>2.906.219.491</b>	<b>1.887.845.958</b>

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

## **Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### **1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 50.161.240.000 đồng.

##### **Ngành, nghề kinh doanh:**

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;
- Hoạt động chính của chi nhánh Bình Phước là sản xuất kinh doanh đá xây dựng các loại.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

##### **Lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét. Tại chi nhánh Bình Phước, hoạt động chính là sản xuất kinh doanh đá xây dựng các loại.

#### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

##### **2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007. Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

##### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **3. Chế độ kế toán áp dụng**

##### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### 3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

#### 4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 5. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

##### 5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

#### Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác****Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

**Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:**

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**5.8. Ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**5.9. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong nhiều năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 1 tại khu vực mỏ sét được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 2 (chưa khai thác) thì chưa phân bổ chi phí này.

**5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**Ghi nhận cổ tức :** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, Công ty tạm phân phối lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thưởng ban quản lý điều hành công ty, Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (TM 6.14.1. Vốn chủ sở hữu).

#### 5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.





**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Báo cáo tài chính

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****6.1 TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt (VND)	235.062.541	15.804.237
- Tiền gửi ngân hàng	2.671.156.950	1.872.041.721
+ Tiền gửi (VND)	2.671.156.950	1.870.522.713
+ Tiền gửi (USD)	-	1.519.008
<b>Cộng</b>	<b>2.906.219.491</b>	<b>1.887.845.958</b>

**6.2 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương (*)	3.255.745.554	8.265.385.877
- Công Ty TNHH MTV TM DV XD Mai Nguyễn	15.399.581	228.617.319
- Công Ty TNHH VLXD Quốc Hưng	187.453.651	-
- Đại lý Nguyễn Thị Xuân	-	27.958.106
- Đối tượng khác	125.358.611	264.559.723
<b>Cộng</b>	<b>3.583.957.397</b>	<b>8.786.521.025</b>

(\*) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

**6.3 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6.3.1. Ngắn hạn</b>				
- Đặt cọc mua đất mở sết	500.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.3.2. Dài hạn</b>				
- Ký quỹ phục hồi môi trường mở sết Đồng Chính	522.829.127	-	312.603.127	-
<b>Cộng</b>	<b>522.829.127</b>	<b>-</b>	<b>312.603.127</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.4 Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.898.675.431	-	7.254.770.912	-
- Công cụ, dụng cụ	54.508.961	-	62.258.676	-
- Chi phí SXKD dở dang	87.939.508	-	138.034.375	-
- Thành phẩm	7.240.381.088	-	12.107.297.545	-
<b>Cộng</b>	<b>12.281.504.988</b>	<b>-</b>	<b>19.562.361.508</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm và đầu năm.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm và đầu năm.

**6.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>6.5.1. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bốc dỡ đất tăng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh.	471.977.037	281.501.146
- Chi phí dời đất ủ.	-	430.842.776
- Chi phí phục hồi taluy mỏ sét.	531.447.994	-
- Tiền điện bơm nước hầm mỏ sét.	69.115.280	-
<b>Cộng</b>	<b>1.072.540.311</b>	<b>712.343.922</b>
<b>6.5.2. Dài hạn</b>		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh.	54.422.082.616	55.423.899.642
<i>Trong đó : Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu vực mỏ chưa khai thác (giai đoạn 2), chưa phân bổ chi phí.</i>	<i>49.200.160.813</i>	<i>48.839.434.791</i>
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn XD CB mỏ sét Đồng Chanh.	190.494.436	241.893.448
- Chi phí di dời cát kẹp tại mỏ sét.	-	3.979.565
- Chi phí trả trước sản xuất gạch ngói.	380.702.020	287.765.482
- Chi phí trả trước tại chi nhánh Bình Phước (*)	971.820.159	1.278.366.532
<b>Cộng</b>	<b>55.965.099.231</b>	<b>57.235.904.669</b>

(\*) Đây là chi phí thuê xe cơ giới, vận chuyển đất đầu để làm bờ kè máy xay đá tại Chi nhánh Bình Phước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**6 .6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	13.617.524.039	5.935.974.478	1.886.038.182	31.400.145	-	21.470.936.844
Số tăng trong năm	504.048.502	519.074.417	60.000.000	32.727.273	-	1.115.850.192
- Mua trong năm	-	519.074.417	60.000.000	32.727.273	-	611.801.690
- XDCB trong năm	504.048.502	-	-	-	-	504.048.502
Số giảm trong năm	-	-	-	(31.400.145)	-	(31.400.145)
Số dư cuối năm	14.121.572.541	6.455.048.895	1.946.038.182	32.727.273	-	22.555.386.891
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.806.484.289	4.500.562.488	391.502.471	31.400.145	-	15.729.949.393
Số tăng trong năm	1.074.996.722	376.471.506	238.108.939	3.482.142	-	1.693.059.309
- Khấu hao trong năm	1.074.996.722	376.471.506	238.108.939	3.482.142	-	1.693.059.309
Số giảm trong năm	-	-	-	(31.400.145)	-	(31.400.145)
Số dư cuối năm	11.881.481.011	4.877.033.994	629.611.410	3.482.142	-	17.391.608.557
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	2.811.039.750	1.435.411.990	1.494.535.711	-	-	5.740.987.451
Tại ngày cuối năm	2.240.091.530	1.578.014.901	1.316.426.772	29.245.131	-	5.163.778.334

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	Số cuối năm	Số đầu năm
:	Không có	Không có
:	10.719.495.368	2.792.050.309
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có





**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP****Báo cáo tài chính**

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.7 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
+ Chi phí phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	564.613.221	505.699.191
+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.093.283.187	2.330.159.940
<b>Cộng</b>	<b>2.657.896.408</b>	<b>2.835.859.131</b>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>531.579.282</b>	<b>567.171.826</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP****Báo cáo tài chính**

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Vật liệu & Xây dựng Bình Dương (*)	1.966.515.200	1.966.515.200	9.388.917.900	9.388.917.900
- Công ty TNHH MTV Hùng Vũ	-	-	369.296.312	369.296.312
- Công Ty TNHH MTV Hoàng Khánh Ngọc	61.567.000	61.567.000	83.627.500	83.627.500
- Công ty TNHH MTV Đặng Ngọc Diễm Phương	872.568.265	872.568.265	950.676.396	950.676.396
- Đối tượng khác	62.221.915	62.221.915	75.268.439	75.268.439
	<b>2.962.872.380</b>	<b>2.962.872.380</b>	<b>10.867.786.547</b>	<b>10.867.786.547</b>

(\*) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

**6.9 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Gạch Tuynel Như Ý	199.000	199.000	189.387.000	189.387.000
- Công ty TNHH MTV Gạch Tuynel Thanh Phong	-	-	113.027.000	113.027.000
- DNTN SX - TM - DV Xuân Hoa	32.370.000	32.370.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Gạch Tuynel Hiệp Hưng	-	-	94.067.778	94.067.778
- Công ty TNHH TM DV Tiến Hằng	-	-	202.556.000	202.556.000
- Công ty TNHH Gạch Tuynel Liên Hiệp Đồng Nai	-	-	339.844.000	339.844.000
- DNTN Đức Trí	165.296.000	165.296.000	165.296.000	165.296.000
- Công ty TNHH Trần Nhẹ	-	-	88.272.000	88.272.000
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Gạch Tuynel Hùng Anh	-	-	77.024.000	77.024.000
- Các đối tượng khác	41.508.288	41.508.288	234.861.024	234.861.024
<b>Cộng</b>	<b>239.174.288</b>	<b>239.174.288</b>	<b>1.504.334.802</b>	<b>1.504.334.802</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**6 .10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	77.141.730	2.169.796.077	2.097.326.525	-	149.611.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	561.454.278	1.214.516.681	1.338.379.604	-	437.591.355
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.640	159.850.320	175.168.176	14.943.216	-
Thuế tài nguyên	-	-	984.439.873	984.439.873	-	-
Tiền thuế đất	657.083.099	-	78.286.022	10.435.916	589.232.993	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	2.330.159.939	307.095.180	543.971.932	-	2.093.283.187
Phí bảo vệ môi trường	18.191.600	-	147.991.600	137.358.630	7.558.630	-
<b>Cộng</b>	<b>675.274.699</b>	<b>2.969.130.587</b>	<b>5.065.975.753</b>	<b>5.291.080.656</b>	<b>611.734.839</b>	<b>2.680.485.824</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	-	359.123.291
- Chi phí thuê gia công xây đá xây dựng	28.974.825	1.025.765.284
- Chi phí khác	10.313.374	-
<b>Cộng</b>	<b>39.288.199</b>	<b>1.384.888.575</b>

**6.12 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	66.579.016	18.335.056
- Kinh phí công đoàn	18.632.346	41.280.820
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	951.232.410	951.232.410
+ Thuế TNCN phải nộp hộ người chuyển nhượng đất mở sét	951.232.410	951.232.410
<b>Cộng</b>	<b>1.036.443.772</b>	<b>1.010.848.286</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6 .13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Bình Dương (a)	-	-	-	949.000.000	949.000.000	949.000.000
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (b)	5.000.000.000	5.000.000.000		2.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.949.000.000</b>	<b>7.949.000.000</b>	<b>7.949.000.000</b>

**(a) Hợp đồng thấu chi số 03/2017/1431711/HĐTD ngày 02 tháng 3 năm 2017**

Hợp đồng này đã được tất toán và thanh lý vào ngày 22 tháng 3 năm 2018.

**(b) Hợp đồng vay vốn số 10/HĐCV-NN17 ngày 29 tháng 3 năm 2017**

Hạn mức vay: 7.000.000.000 VNĐ (Bảy tỷ đồng).

Mục đích: Đền bù đất mở sết Đồng Chính giai đoạn 2.

Thời hạn vay: đến 31/12/2019 tính từ ngày giải ngân.

Lãi suất: 7%/năm.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6 .14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chính.	564.613.221	505.699.191
<b>Cộng</b>	<b>564.613.221</b>	<b>505.699.191</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Châm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**6.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU****6.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.161.240.000</b>	<b>(730.457.045)</b>	<b>8.009.876.602</b>	<b>9.166.298.834</b>	<b>66.606.958.391</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	7.194.326.775	7.194.326.775
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL	-	-	-	(1.164.468.302)	(1.164.468.302)
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.467.080.597	(7.467.080.597)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(3.490.286.800)	(3.490.286.800)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.161.240.000</b>	<b>(730.457.045)</b>	<b>15.476.957.199</b>	<b>4.238.789.910</b>	<b>69.146.530.064</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	4.900.436.903	4.900.436.903
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL	-	-	-	(770.693.886)	(770.693.886)
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	288.676.189	(288.676.189)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(3.490.286.800)	(3.490.286.800)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.161.240.000</b>	<b>(730.457.045)</b>	<b>15.765.633.388</b>	<b>4.589.569.938</b>	<b>69.785.986.281</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	15.000.120.000	15.000.120.000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	34.861.120.000	34.861.120.000
<b>Cộng</b>	<b>50.161.240.000</b>	<b>50.161.240.000</b>

**6.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.161.240.000	50.161.240.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (bao gồm cổ phiếu)	3.490.286.800	3.490.286.800

**6.15.4. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.016.124	5.016.124
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.016.124	5.016.124
+ Cổ phiếu phổ thông	5.016.124	5.016.124
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30.000	30.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu phổ thông	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.15.5. Cổ tức**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	không phát sinh	không phát sinh
- Trả cổ tức bằng tiền mặt :	7%/ cổ phiếu	7%/ cổ phiếu
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi :	không phát sinh	không phát sinh

**6.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	15.765.633.388	15.476.957.199

**6.16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****6.16.1. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	-	78,02



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****7.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
- Doanh thu bán gạch ngói	26.416.720.129	35.448.711.112
- Doanh thu bán đất sét, cát kẹp	4.755.885.435	10.034.892.716
- Doanh thu bán đá xây dựng	58.449.154.739	11.293.536.279
- Thuế gián thu bao gồm trong giá bán	(810.346.085)	(1.637.721.075)
<b>Cộng</b>	<b>88.811.414.218</b>	<b>55.139.419.032</b>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)

53.952.728.198 20.735.116.245

**CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU****DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****88.811.414.218 55.139.419.032****7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	21.055.067.774	25.496.727.714
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	2.381.968.989	5.347.768.744
- Giá vốn đá xây dựng	51.701.797.295	10.699.369.149
<b>Cộng</b>	<b>75.138.834.058</b>	<b>41.543.865.607</b>

**7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	2.035.292	156.305.995
<b>Cộng</b>	<b>2.035.292</b>	<b>156.305.995</b>

**7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi vay	16.286.400	52.359.781
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	4.291
<b>Cộng</b>	<b>16.286.400</b>	<b>52.364.072</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	209.844.000	136.760.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng		10.454.545
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	2.397.889.991	905.881.190
- Chi phí bằng tiền khác	109.406.295	41.151.811
<b>Cộng</b>	<b><u>2.717.140.286</u></b>	<b><u>1.094.247.546</u></b>

(\*) Chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là tiền thuê xe xúc đá xây dựng bán cho khách hàng.

**7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.582.895.801	2.931.921.537
- Chi phí vật liệu quản lý	19.158.010	26.505.039
- Chi phí đồ dùng văn phòng	9.590.908	11.937.727
- Chi phí khấu hao TSCĐ	127.894.788	104.376.168
- Thuế, phí, lệ phí	91.120.704	81.260.131
- Chi phí trợ cấp thôi việc	68.894.000	76.858.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.311.149	280.818.350
- Chi phí bằng tiền khác	444.997.570	537.814.976
<b>Cộng</b>	<b><u>4.676.862.930</u></b>	<b><u>4.051.491.928</u></b>

**7.7 THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý nguyên vật liệu thừa từ kết quả kiểm kê năm trước	18.335.056	13.854.960
- Tiền thuê đất các năm trước được miễn giảm theo thông báo số 18062/TB-CT ngày 23/10/2017 của cục thuế tỉnh Bình Dương	-	499.135.934
- Các khoản khác	7.136.369	2.045.460
<b>Cộng</b>	<b><u>25.471.425</u></b>	<b><u>515.036.354</u></b>

**7.8 CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Truy thu và phạt chậm nộp thuế	-	59.351.209
- Phạt vi phạm hành chính về khai thác mỏ	100.000.000	-
- Chi phí khác	39.251.133	1.694.749
<b>Cộng</b>	<b><u>139.251.133</u></b>	<b><u>61.045.958</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.253.703.474	26.576.230.806
- Chi phí công cụ	72.837.992	124.315.736
- Chi phí nhân công	10.849.844.868	11.360.936.960
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.742.228.933	1.580.861.624
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.590.752.361	8.930.006.852
- Chi phí bằng tiền khác	4.887.360.003	8.144.922.209
<b>Cộng</b>	<b>74.396.727.631</b>	<b>56.717.274.187</b>

**7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.214.516.681	1.836.875.791
<b>Cộng</b>	<b>1.214.516.681</b>	<b>1.836.875.791</b>

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.150.546.128	9.007.746.270
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận tính thuế TNDN		
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	100.000.000	59.351.209
+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	(177.962.722)	117.281.478

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định như sau:*

	Năm nay	Năm trước
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.072.583.406	9.184.378.957
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.214.516.681	1.836.875.791
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1.214.516.681	1.836.875.791



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7.11 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	108.794.386	157.048.630
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(73.201.842)	(151.487.148)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(29.017.778)
<b>Cộng</b>	<b>35.592.544</b>	<b>(23.456.296)</b>

**7.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.900.436.903	7.194.326.775
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	784.069.904	1.151.092.284
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.986.124	4.986.124
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>826</b>	<b>1.212</b>

**7.13 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.900.436.903	7.194.326.775
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	784.069.904	1.151.092.284
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.986.124	4.986.124
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>826</b>	<b>1.212</b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có

8.3 Thông tin về các bên liên quan

**8.3.1. Bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	Công ty liên kết của Cổ đông lớn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8.3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lương của HĐQT, BGĐ	773.038.000	746.201.000
Thu nhập thưởng của HĐQT, BGĐ	132.481.000	264.000.000
Thù lao của HĐQT, BGĐ	180.157.000	242.800.000
<b>Cộng</b>	<b>1.085.676.000</b>	<b>1.253.001.000</b>

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm 2018 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	59.348.001.018	22.808.627.870
	Đã thu tiền bán sản phẩm	64.357.641.341	15.716.702.358
	Phải trả tiền mua đá học, nhiên liệu	36.685.923.768	15.310.272.424
	Đã trả tiền mua đá học, nhiên liệu	44.108.326.468	6.373.979.524
	Phải trả tiền hợp đồng quảng cáo	168.600.000	607.425.000
	Đã trả tiền hợp đồng quảng cáo	168.600.000	318.175.000

Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ

Vay tiền	-	7.000.000.000
Đã trả tiền vay	2.000.000.000	-
Phải trả lãi vay	360.726.022	359.123.291
Đã trả lãi vay	719.849.313	-

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	3.255.745.554	8.265.385.877
	Phải trả tiền mua đá học, nhiên liệu	1.966.515.200	9.388.917.900
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	Vay ngắn hạn	5.000.000.000	7.000.000.000
	Phải trả lãi vay	-	359.123.291



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 KP Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018

**9. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

**9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Kinh doanh đá xây dựng, khác				Tổng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>										
- Doanh thu	26.416.720.129	35.448.711.112	4.755.885.435	8.397.171.641	57.638.808.654	11.293.536.279	88.811.414.218	55.139.419.032		
- Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-		
- Giá vốn	21.055.067.774	25.496.727.714	2.381.968.989	5.347.768.744	51.701.797.295	10.699.369.149	75.138.834.058	41.543.865.607		
- Lợi nhuận gộp	5.361.652.355	9.951.983.398	2.373.916.446	3.049.402.897	5.937.011.359	594.167.130	13.672.580.160	13.595.553.425		
<b>Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>										
- Chi phí khấu hao trong năm	1.358.383.483	1.480.360.440	164.644.018	181.200.825	138.631.663	73.816.977	1.661.659.164	1.735.378.242		
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	340.669.767	199.535.484	1.454.285.261	2.935.794.949	391.091.828	130.174.218	2.186.046.856	3.265.504.651		









**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**10. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY**

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như

**10.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**a. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

**Độ nhạy về ngoại tệ**

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

**b. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**c. Rủi ro về giá****Rủi ro về giá khác:**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**10.2. Rủi ro về tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**a. Đối với khoản phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

**b. Đối với tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**10.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	2.962.872.380	-	-	2.962.872.380
Phải trả người lao động	422.738.000	-	-	422.738.000
Chi phí phải trả và dự phòng phải trả	39.288.199	-	564.613.221	603.901.420
Các khoản phải trả khác	1.036.443.772	-	-	1.036.443.772
<b>Cộng</b>	<b>4.461.342.351</b>	<b>-</b>	<b>564.613.221</b>	<b>5.025.955.572</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	10.867.786.547	-	-	10.867.786.547
Phải trả người lao động	229.870.000	-	-	229.870.000
Chi phí phải trả và dự phòng phải trả	1.384.888.575	-	505.699.191	1.890.587.766
Các khoản phải trả khác	1.010.848.286	-	-	1.010.848.286
<b>Cộng</b>	<b>13.493.393.408</b>	<b>-</b>	<b>505.699.191</b>	<b>13.999.092.599</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**11. Tài sản đảm bảo****11.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**11.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.906.219.491	1.887.845.958	2.906.219.491	1.887.845.958
Phải thu khách hàng	3.583.957.397	8.786.521.025	3.583.957.397	8.786.521.025
Trả trước cho người bán	52.250.000	79.750.000	52.250.000	79.750.000
Các khoản phải thu khác	1.022.829.127	312.603.127	1.022.829.127	312.603.127
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	2.962.872.380	10.867.786.547	2.962.872.380	10.867.786.547
Người mua trả tiền trước	239.174.288	1.504.334.802	239.174.288	1.504.334.802
Phải trả người lao động	422.738.000	229.870.000	422.738.000	229.870.000
Chi phí phải trả	39.288.199	1.384.888.575	39.288.199	1.384.888.575
Các khoản phải trả khác	1.601.056.993	1.516.547.477	1.601.056.993	1.516.547.477

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày cuối năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	25,3%	33,8%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	74,7%	66,2%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	16,1%	28,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	83,9%	71,7%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,20	0,10
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,70	0,50
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,60	1,20
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,9%	16,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,5%	13,0%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	6,8%	10,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	5,5%	8,4%
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân</b>	%	7,1%	10,6%

**14. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**15. GIẢI THÍCH BIẾN ĐỘNG NĂM NAY SO VỚI NĂM TRƯỚC**

Bảng so sánh số liệu năm nay với năm trước

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Biến động	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.811.414.218	55.139.419.032	33.671.995.186	37,91%
- Doanh thu bán gạch ngói	26.416.720.129	35.448.711.112	(9.031.990.983)	-34,19%
- Doanh thu bán đất sét, cát kẹp	4.755.885.435	8.397.171.641	(3.641.286.206)	-76,56%
- Doanh thu bán đá xây dựng	57.638.808.654	11.293.536.279	46.345.272.375	80,41%
Giá vốn hàng bán	75.138.834.058	41.543.865.607	33.594.968.451	44,71%
- Giá vốn gạch ngói	21.055.067.774	25.496.727.714	(4.441.659.940)	-21,10%
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	2.381.968.989	5.347.768.744	(2.965.799.755)	-124,51%
- Giá vốn đá xây dựng	51.701.797.295	10.699.369.149	41.002.428.146	79,31%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.672.580.160	13.595.553.425	77.026.735	0,56%
- Lợi nhuận gộp về bán gạch ngói	5.361.652.355	9.951.983.398	(4.590.331.043)	-85,61%
- Lợi nhuận gộp về bán đất sét, cát kẹp	2.373.916.446	3.049.402.897	(675.486.451)	-28,45%
- Lợi nhuận gộp về bán đá xây dựng	5.937.011.359	594.167.130	5.342.844.229	89,99%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.035.292	156.305.995	(154.270.703)	-7579,78%
Chi phí tài chính	16.286.400	52.364.072	(36.077.672)	-221,52%
Chi phí bán hàng	2.717.140.286	1.094.247.546	1.622.892.740	59,73%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.676.862.930	4.051.491.928	625.371.002	13,37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.264.325.836	8.553.755.874	(2.289.430.038)	-36,55%
Thu nhập khác	25.471.425	515.036.354	(489.564.929)	-1922,02%
Chi phí khác	139.251.133	61.045.958	78.205.175	56,16%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.150.546.128	9.007.746.270	(2.857.200.142)	-46,45%

Giải trình về biến động chi phí và lợi nhuận :

## 1. Biến động về doanh thu, giá vốn hoạt động chính:

- Doanh thu năm nay tăng hơn 33 tỷ so với năm trước chủ yếu tăng lĩnh vực sản xuất đá tại Chi nhánh Bình Phước là lĩnh vực có lãi gộp không cao, trong khi đó lĩnh vực có lãi gộp cao là sản xuất gạch ngói và kinh doanh đất sét doanh thu lại giảm.

- Tuy doanh thu lĩnh vực sản xuất gạch ngói và khai thác đất sét năm nay sụt giảm so với trước nhưng nhờ hoạt động sản xuất đá tại Chi nhánh Bình Phước dần đi vào ổn định, bù đắp được sự sụt giảm trong doanh thu và lợi nhuận năm nay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Biến động về doanh thu, chi phí hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính giảm/ chi phí tài chính tăng do Công ty sử dụng vốn hiện có và vốn vay để đến bù đất mở rộng mỏ sét (giai đoạn 2) và đầu tư sản xuất đá xây dựng tại Chi nhánh Bình Phước.

**3. Biến động về chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng tăng chủ yếu là chi phí xúc đá bán cho khách hàng tại Chi nhánh Bình Phước tương ứng với sản lượng doanh thu tăng trong kỳ (năm trước chi phí này chỉ phát sinh trong 6 tháng cuối năm).

**4. Biến động về chi phí quản lý:**

Chi phí quản lý tăng đầu tiên do tăng chi phí quản lý tại Chi nhánh Bình Phước, năm nay phát sinh chi phí 12 tháng ( năm trước chỉ phát sinh trong 06 tháng cuối năm ) và thứ hai do phát sinh khoản thưởng cho người lao động về việc tiết kiệm vật tư, nhiên liệu trong sản xuất gạch ngói (năm trước không có khoản chi phí này).

5. Thu nhập khác giảm do năm nay không có khoản thu nhập bất thường nào đáng kể. Năm trước được giảm tiền thuê đất phải nộp.

6. Chi phí khác tăng chủ yếu do khoản tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác mỏ.

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31/12/2017 đã kiểm toán.

**Người lập biểu****Hứa Ngọc Chính****Kế toán trưởng****Hứa Ngọc Chính**

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Đỗ Thành Lộc**